

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
T. KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 68/2018/DSST

Ngày 25/9/2018

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Huy Liệu

2. Bà Phạm Hồng Gái

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thành Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang:* tham gia phiên tòa có ông Lương Thành Trung - KSV.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2018/TLST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2018/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lê T**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Hoàng H**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu phố S, thị trấn S, huyện H, Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thanh L**, sinh năm 1977

Bà **Phạm Thị P**, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

(Ông H có mặt. Ông L, bà P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Lê T trình bày:**

Trước đây ông Nguyễn Thanh L và bà Phạm Thị P có mua phân bón và thuốc trừ sâu của tôi với số tiền 72.507.000 đồng để làm ruộng. Đến ngày 13/9/2015 ông L trả cho tôi được số tiền 30.000.000 đồng, còn nợ lại 42.507.000 đồng, ông L hẹn đến cất lúa vụ đông xuân 2016 sẽ trả.

Khi đến hẹn tôi có yêu cầu ông L trả tiền thì ông L lại hẹn đến vụ lúa sau, cứ thế kéo dài đến nay. Việc ông L, bà P mua thiếu vật tư nông ngh của tôi đã lâu nhưng không trả nợ gây thiệt hại cho tôi.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh L và bà Phạm Thị P phải có trách nhiệm trả cho tôi số tiền như sau:

- Tiền gốc: 42.507.000 đồng.
- Tiền lãi tính từ ngày 13/9/2015 đến 13/8/2017 là 23 tháng, lãi suất 0,75%/tháng, cụ thể: $42.507.000đ \times 23 \text{ tháng} \times 0,75\% = 7.330.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng gốc và lãi là 49.837.000 đồng.

*** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 03/4/2018, bị đơn ông Nguyễn Thanh L trình bày:**

Vào khoảng cuối năm 2015, ông có mua vật tư nông ngh của ông Lê T và còn nợ lại số tiền 42.507.000 đồng. Do làm ruộng lỗ lã nên ông chưa có khả năng trả tiền cho ông T. Nay ông yêu cầu được trả dần số tiền trên cho ông T trong ba năm.

Tại phiên tòa, ông Trần Hoàng H – người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin được rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu vợ chồng ông L, bà P trả số tiền gốc 42.507.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất phát biểu quan điểm: Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết, thu thập chứng cứ, công bố chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, HĐXX, thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy việc ông L, bà P có thiếu nợ tiền mua vật tư nông ngh của ông T số tiền 42.507.000 đồng là có thật nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận, đề nghị HĐXX xem xét khi nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn, cũng như các tài liệu có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền xét xử theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Thanh L và bà Phạm Thị P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án T hành xét xử vụ án vắng mặt ông L, bà P.

3. Về việc áp dụng pháp luật: Hợp đồng mua bán vật tư nông nghH giữa ông T với ông L được xác lập vào năm 2014 nên khi phát sinh tranh chấp sẽ được áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

4. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định: Từ ngày 29/11/2014, ông Nguyễn Thanh L có thỏa thuận mua bán vật tư nông nghH (phân bón và thuốc trừ sâu) với ông Lê T. Hai bên đã thực hiện hợp đồng mua bán với nhau nhiều lần với tổng số tiền là 72.507.000 đồng. Đến ngày 13/9/2015 ông L trả được 30.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 42.507.000 đồng hẹn đông xuân 2015- 2016 sẽ trả hết gốc và lãi. Sau đó hai bên đã lập bản xác minh công nợ trong ngày 13/9/2015 (BL 05). Tại Biên bản lấy lời khai của Tòa án ngày 03/4/2018 (BL 14), ông L cũng thừa nhận mình còn thiếu nợ tiền mua vật tư nông nghH của ông T số tiền 42.507.000 đồng.

Tại khoản 1 Điều 438 Bộ luật dân sự 2005 quy định: “Bên mua phải trả đủ tiền vào thời điểm và tại địa điểm đã thỏa thuận...”. Như vậy ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định tại điều luật trên.

Việc ông L mua vật tư nông nghH của ông T về để phục vụ sản xuất nông nghH, đem lại nguồn lợi cho gia đình, việc sản xuất nông nghH bị thua lỗ là ngoài ý muốn. Tại Biên bản lấy lời khai của Tòa án ngày 03/4/2018 (BL 14), ông L xác định việc mua vật tư nông nghH của ông T thì vợ ông là bà P cũng có biết. Do đó cần xác định đây là nợ chung của vợ chồng ông L, bà P nên cả ông L và bà P cùng phải chịu trách nhiệm trả số nợ này cho ông T.

Tại Điều 25 Luật HNGĐ năm 2000 quy định: “Vợ hoặc chồng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch dân sự hợp pháp do một trong hai người thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình.”

Từ những phân tích trên, HĐXX xét thấy việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông L, bà P phải có trách nhiệm trả số tiền 42.507.000 đồng cho ông T là phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ để chấp nhận.

Tại phiên tòa, ông Trần Hoàng H - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút yêu cầu tính lãi. Việc rút này là tự nguyện nên HĐXX ghi nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính lãi.

Xét ý kiến của Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Về án phí: Ông L, bà P phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 và các Điều 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 428, Điều 438 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 25 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê T đối với ông Nguyễn Thanh L và bà Phạm Thị P.

Buộc ông Nguyễn Thanh L và bà Phạm Thị P phải có trách nhiệm trả cho ông Lê T số tiền **42.507.000 đồng** (*Bốn mươi hai triệu, năm trăm linh bảy ngàn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3/ Về án phí DSST:

- Ông L, bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.125.000 đồng (*Hai triệu, một trăm hai mươi lăm ngàn đồng*).

- Ông Lê T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.246.000 đồng (*Một triệu, hai trăm bốn mươi sáu ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0003335 ngày 09/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

Án xử công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Thanh L và bà Phạm Thị P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc